ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

**KHOA CÔNG NGHỆ PHẦN MỀM**



BÁO CÁO ĐỒ ÁN WEBSITE TRANG PHỤC

ĐỒ ÁN MÔN CHUYÊN ĐỀ J2EE

SE325.G21

**GVHD: THS Nguyễn Trác Thức**

SVTH: 12520135 Đỗ Trung Hiếu

1252203 Huỳnh Đăng Khoa

12520378 Tô Thế Tân

12520413 Nguyễn Văn Thiện

Ngày 15 Tháng 6 Năm 2016

Thành phố Hồ Chí Minh

**Nhận xét của Giảng viên**

**Mục lục**

[**I.** **Tổng quan về hệ thống website Thời Trang** 1](#_Toc453698990)

[1.1. Giới thiệu đề tài 1](#_Toc453698991)

[1.2. Nội dung đề tài 2](#_Toc453698992)

[1.3. Giới hạn đề tài 2](#_Toc453698993)

[**II.** **Xác định và phân tích yêu cầu** 2](#_Toc453698994)

[2.1. Khảo sát hiện trạng 2](#_Toc453698995)

[*2.1.1.* *Mục đích khảo sát* 2](#_Toc453698996)

[*2.1.2.* *Đối tượng khảo sát* 2](#_Toc453698997)

[*2.1.3.* *Đánh giá hiện trạng* 2](#_Toc453698998)

[2.2. Quy trình nghiệp vụ 2](#_Toc453698999)

[*2.2.1.* *Trang Chủ* 2](#_Toc453699000)

[*2.2.2.* *Nghiệp Vụ Thanh Toán:* 4](#_Toc453699001)

[*2.2.3.* *Tuyển nhân sự* 5](#_Toc453699002)

[*2.2.4.* *Giỏ hàng* 5](#_Toc453699003)

[**III.** **Phân tích thiết kế thành phần dữ liệu** 6](#_Toc453699004)

[1.1. Mô hình tổ chức dữ liệu mức quan niệm 6](#_Toc453699005)

[1.2. Mô hình tổ chức dữ liệu mức logic 7](#_Toc453699006)

[1.3. Mô hình tổ chức dữ liệu mức vật lý 8](#_Toc453699007)

[*1.3.1.* *Sơ đồ SQL Diagram* 8](#_Toc453699008)

[*1.3.2.* *Danh sách các bảng dữ liệu* 9](#_Toc453699009)

[**IV.** **Phân tích thiết kế thành phần xử lý** 19](#_Toc453699010)

[1.1. Sơ đồ trao đổi thông tin của Website Thời Trang 19](#_Toc453699011)

[1.2. Mô hình hóa xử lý cho hệ thống mới 19](#_Toc453699012)

[*1.2.1.* *Mô hình hóa xử lý của Website Thời Trang* 19](#_Toc453699013)

[*1.2.2.* *Mô hình hóa xử lý của* 24](#_Toc453699014)

[*1.2.3.* *Mô hình hóa xử lý của* 26](#_Toc453699015)

[*2.1.1.* *Mô hình hóa xử lý của* 30](#_Toc453699016)

[**V.** **Phân tích thiết kế Hệ thống** 31](#_Toc453699017)

[5.1. Phân chia hệ thống thành các hệ thống con 31](#_Toc453699018)

[5.2. Xây dựng mô hình thiết kế xử lý hệ thống 32](#_Toc453699019)

[5.3. Xây dựng cấu trúc phần mềm hệ thống 33](#_Toc453699020)

[**VI.** **Thiết kế giao diện** 34](#_Toc453699021)

[6.1. Màn hình chính 34](#_Toc453699022)

[6.2. Màn hình 34](#_Toc453699023)

[6.3. Màn hình Tìm động vật 34](#_Toc453699024)

[6.4. Màn hình 34](#_Toc453699025)

[6.5. Màn hình Điều trị 34](#_Toc453699026)

[6.6. Màn hình 34](#_Toc453699027)

[6.7. Màn hình 34](#_Toc453699028)

[6.8. Màn hình 35](#_Toc453699029)

[6.9. Màn hình Đăng nhập 35](#_Toc453699030)

[**VII.** **Nhận xét và kết luận** 35](#_Toc453699031)

# **Tổng quan về hệ thống website Thời Trang**

## Giới thiệu đề tài

Ngày nay sự phát triển mạnh mẽ của tin học làm cho máy tính không thể nào thiếu được trong mọi lĩnh vực đời sống. Hơn lúc nào hết các tính năng của máy tính được khai thác một cách triệt để. Việc áp dụng Tin học vào quản lý, sản xuất, kinh doanh, du lịch là một xu hướng tất yếu.

Việc ứng dụng tin học trong việc bán hàng là một phần nhỏ trong mãng các ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cho đời sống, xã hội. Tuy nhiên, hiệu quả nó mang lại vô cùng to lớn. Từ các công việc làm bằng thủ công, khó khăn, cần phải cẩn thận, có kinh nghiệm thì nay sản phẩm phần mềm đã thay thế các công việc đó bằng cách tự động hóa đa số hoạt động mà phải thực hiện thủ công như vậy.

Hệ thống website Thời Trang cung cấp cho người dùng một môi trường làm việc chuyên nghiệp mang lại hiệu quả cao trong công việc. Hệ thống bao gồm các chức năng:mua bán sản phẩm quần áo, giầy dép,phụ kiện với phong các thời trang hợp với mọi lứa tuổi . Với mỗi chức năng người dùng không cần phải lo ngại về trình độ tin học của mình, cũng như các kỹ năng sử dụng một phần mềm hỗ trợ cho công việc. Hệ thống cung cấp nhiều tính năng tự động hóa các vấn đề cần giải quyết bằng tay một cách chính xác và nhanh chóng.

Giờ đây người dùng có thể thao tác một cách dễ dàng phần mềm mà không cần chú trọng đến môi trường làm việc. Người dùng không cần phải tự tay ghi chép những số liệu gây ra rắc rối cho con người, không cần phải quan tâm nhiều đến quy trình của hệ thống. Việc duy nhất người dùng thực hiện là thao tác dữ liệu. Chỉ một vài bước thao tác là chúng ta đã có một nguồn dữ liệu chính xác và đầy đủ. Các thủ tục xữ lý giấy tờ cũng nhanh gọn và tiện lợi hơn.

Đối với các nhân viên Kế toán thì công việc sẽ giảm nhẹ rất nhiều nhờ vào tính năng thống kê một cách tự động. Như vậy công việc của nhân viên Kế toán chỉ còn là kiểm tra số liệu nhập vào và in báo cáo. Tuy vậy, trách nhiệm của họ thì càng cao.

Cuối cùng hệ thống website Thời Trang được xây dựng với mục đích là giảm thiểu công việc thủ công và tự động hóa các công việc phức tạp mà sức người không thể nào xữ lý hết. Hệ thống là thành quả của cả một quá trình nghiên cứu và tìm hiểu. Với giao diện thân thiện, dễ sử dụng hệ thống quản lý này tin chắc rằng sẽ mang lại cho cửa hàng một môi trường làm việc hoàn toàn mới, hiện đại và hiệu quả.

## Nội dung đề tài

Hệ thống được xây dựng dựa trên các tiêu chí của môn học J2EE. Hệ thống này cung cấp cho một cửa hàng cho quy mô nhỏ và số lượng nhân viên khoảng 20 người. Hệ thống chỉ có hiệu quả trong phạm vi nội bộ cửa hàng hiện tại. Hệ thống quản lý này bao gồm những chức năng chính: tuyển dụng, trang chủ, giỏ hàng, thanh toán,…. Ngoài ra còn một số chức năng khác liên quan.

## Giới hạn đề tài

Đề tài tập trung xây dựng hệ thống website Thời Trang. Nội dung xoay quanh các nghiệp vụ quan trọng trong việc quản lý bán hàng và một số chức năng khác.

# **Xác định và phân tích yêu cầu**

## Khảo sát hiện trạng

### *Mục đích khảo sát*

* Tiếp cận với nghiệp vụ chuyên môn, môi trường của hệ thống cửa hàng Thời Trang.
* Tìm hiểu vai trò, chức năng, nhiệm vụ và cách thức hoạt động của các hệ thống nhỏ trong hệ thống quản lý bán hàng.
* Nêu ra được các điểm hạn chế, bất cập của hệ thống quản lý bán hàng vật cần phải thay đổi.
* Đưa ra được những vấn đề của hệ thống quán lý bán hàng cần phải được nghiên cứu thay đổi.

### *Đối tượng khảo sát*

* Giám đốc cửa hàng Thời Trang.
* Nhân viên bán hàng.
* Kế toán.

### *Đánh giá hiện trạng*

Hệ thống quản lí cục bộ hiện tại của cửa hàng tương đối tốt, tuy nhiên hệ thống cục bộ trên vẫn còn nhiều vấn đề cần giải quyết.

## Quy trình nghiệp vụ

### *Trang Chủ:*

* Chức năng:
  + Hiển thị các sản phẩm, các thông tin chi tiết về sản phẩm,danh sách các sản phẩm .
* Các nghiệp vụ chính:
  + **Nghiệp vụ quảng bá sản phẩm**: giúp cho việc giới thiệu sản phẩm dễ dàng hơn. Nghiệp vụ này bao gồm các công việc sau: Thêm sản phẩm mới, Tìm kiếm thông tin sản phẩm.
    - Quy trình Thêm sản phẩm mới:
      * Nhập hàng về kho.
      * Chụp hình sản phẩm.
      * Admin chọn hình ảnh sau đó đăng thông tin chi tiết kèm hình ảnh lên Website thời trang .
      * Báo cáo hoàn thành quy trình thêm sản phẩm tới chủ cửa hàng.
    - Quy trình tìm kiếm thông tin sản phẩm:
      * Khách hàng chọn sản phẩm vừa ý.
      * Khách hàng nhấn vào sản phẩm.
      * Website sẽ hiển thị chi tiết sản phẩm.
      * Nếu muốn mua sản phẩm thì nhấn nút thêm vào giỏ hàng.
      * Nếu muốn quay lại màn hình chính thì nhấn nút quay lại.
* **Nghiệp vụ thông tin khuyến mãi:** là nghiệp vụ giúp cho việc quảng cáo những sãn phẩm được khuyến mãi, giúp cho người tiêu dùng dễ dàng mua sản phẩm được ưu đãi.
* Quy Trình đăng sản phẩm được khuyến mãi:
  + - * Chủ cửa hàng ra thông báo tiến hành đăng những sản phẩm được khuyến mãi.
      * Nhân viên tiến hành nhập dữ liệu cho sản phẩm được khuyễn mãi.
      * Gửi báo cáo về chủ cửa hàng.
* **Nghiệp vụ thông tin chi tiết sản phẩm:** là nghiệp vụ giúp cho việc hiển thị chi tiết sản phẩm như: Tên sản phẩm, màu sản phẩm, size sản phẩm, xuất xứ, hiện trạng sản phẩm trong kho (còn hàng/ hết hàng).
* Quy Trình hiển thị thông tin chi tiết sản phẩm:
  + - * Khách hàng nhấn vào sãn phẩm vừa ý.
      * Website sẽ hiển thị các thông tin chi tiết về sản phẩm như: Tên sản phẩm, màu sản phẩm, size sản phẩm, xuất xứ, hiện trạng sản phẩm trong kho (còn hàng/ hết hàng).

### *Cửa Hàng:*

* Chức năng:
  + Giúp cho việc mua bán thuận tiện, an toàn hơn. Sau khi lựa chọn xong các sản phẩm, khách hàng sẽ chuyển sang thanh toán hàng hóa trong giỏ hàng của mình.
* Các nghiệp vụ chính:
  + **Nghiệp vụ Tài Khoản:**  là công việc tiếp nhận thông tin về khách hàng như: Tên, Ngày/Tháng/Năm sinh, Quê quán, Địa chỉ hiện tại, Số điện thoại, CMND.
    - Quy trình Tiếp nhận thông tin khách hàng:
      * Khách hàng sau khi lựa chọn sản phẩm phù hợp sẽ nhấn vào nút cho vào giỏ hàng.
      * Website sẽ hiển thị một bảng cho khách hàng điền vào gồm: Tên, Ngày/Tháng/Năm sinh, Quê quán, Địa chỉ hiện tại, Số điện thoại.
      * Khi hoàn tất việc điền thông tin, khách hàng sẽ nhất nút “OK”
      * Dữ liệu sẽ được lưu lại.
  + **Nghiệp vụ giao hàng:** là công việc quan trọng, giao sản phẩm đến cho khách hàng. Dựa vào địa chỉ khách hàng để quyết định hình thức giap hàng là vận chuyển bằng xe trung chuyển hay gửi máy bay, bưu điện …
    - Quy trình:
      * Nhân viên thu ngân xuất hóa đơn, phiếu xuất kho kèm theo thông tin khách hàng.
      * Nhân viên giao hàng nhận sản phẩm tại kho và giao cho khách hàng bằng nhiều hình thức (giao tận nhà bằng xe trung chuyển, gửi máy bay, bưu điện …).
      * Nhận tiền cùng xác nhận của khách hàng.
      * Nộp tiền cùng xác nhận của khách hàng cho nhân viên thu ngân.
      * Kết thúc quá trình giao hàng.

### *Bài Viết:*

* Chức năng:
  + Tuyển nhân sự.
* Các nghiệp vụ chính:
  + **Nghiệp vụ tuyển nhân sự:** hiển thị đầy đủ thông tin đăng tuyển nhân viên trên website.
    - **Quy trình:**
      * Chủ cửa hàng ra quyết định tuyển nhân viên gồm: chức vụ, yêu cầu (kinh nghiệm, ngoại hình, trình độ, tuổi, ….), ưu đãi (lương, thưởng, bảo hiểm, …).
      * Nhân viên nhân sự đăng tuyển nhân viên trên website.
      * Thông tin sẽ được xóa khi đã tuyển được nhân viên.

### *Liên Hệ:*

* Chức năng:
  + Hiển thị các sản phẩm mà khách hàng đã chọn trong giỏ hàng trước khi quyết định thanh toán.
* Các nghiệp vụ chính:
  + **Nghiệp vụ lựa chọn sản phẩm vào giỏ hàng:** là nghiệp vụ đưa sản phẩm mà khách hàng chọn vào giỏ hàng.
    - Quy trình:

- Khách hàng chọn sản phẩm vừa ý.

- Nhấn nút cho vào giỏ hàng.

- Sản phẩm sẽ được chuyển vào giỏ hàng, khách hàng có thể lựa chọn tiếp sản phẩm khác hoặc thanh toán.

* + **Nghiệp vụ hiển thị giỏ hàng:** là nghiệp vụ hiển thị sản phẩm mà khách hàng đã chọn.
    - Quy trình:

- Khách hàng bấm vào giỏ hàng nếu muốn xem sản phẩm mà mình đã chọn.

- Khách hàng có thể xóa sản phẩm đã chọn trong giỏ hàng.

# **Phân tích thiết kế thành phần dữ liệu**

## Mô hình tổ chức dữ liệu mức quan niệm

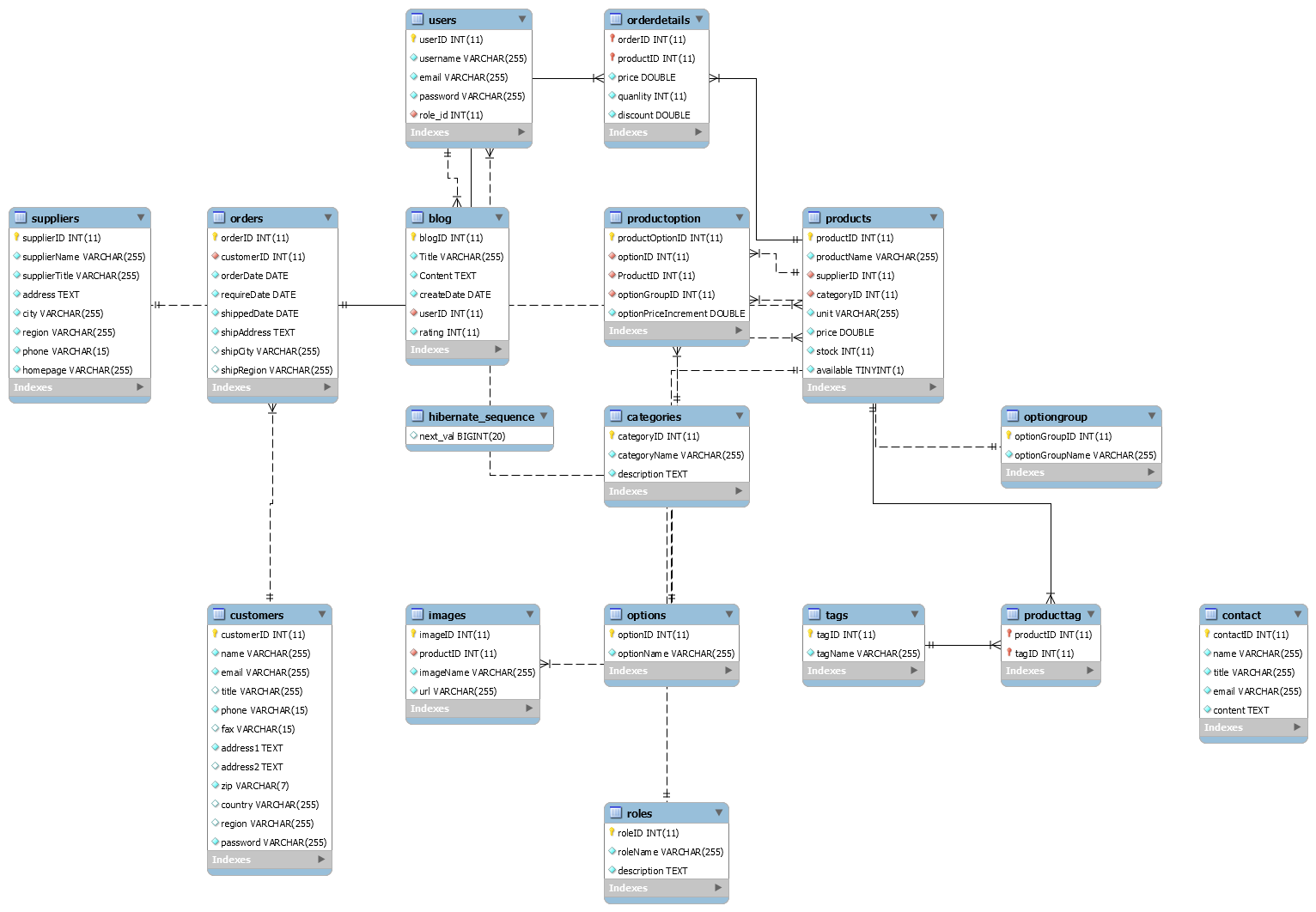
* Phát hiện các thực thể trong cửa hàng:
  + **Product**: thể hiện cho các mặt hàng trong cửa hàng gồm các thuộc tính (Mã Sản Phẩm, Tên Sản Phẩm, Nhà cung cấp,Danh mục,Đơn vị,Tồn Kho,Giá, Trạng Thái).
  + **Users**: thể hiện các nhân viên làm việc trong cửa hàng , thực thể Nhân Viên có các thuộc tính (Mã Nhân Viên,Tên đăng nhập,Email,Password,Role\_Id).
  + **Customer**: thể hiện cho khách hàng của cửa hàng. Các thuộc tính (Mã khách hàng,Tên Khách Hàng, Email,SDT, Fax, Địa Chỉ, Zip, Quê Quán).
  + **Supplier**: thể hiện nhà cung cấp về sản phẩm. Các thuộc tính (Mã Nhà Cung Cấp, Tên Nhà cung cấp,Địa điểm ,SDT, Website).
  + **Order**: Thể hiện hóa đơn cung cấp sản phẩm: Các thuộc tính (Mã hóa đơn, Mã khách hàng, Ngày yêu cầu, Ngày vận chuyển, Địa chỉ vận chuyển, Thành phố vận chuyển,Vùng miền vận chuyển)

## Mô hình tổ chức dữ liệu mức logic

* Từ mô hình mức quan niệm, áp dụng các quy tắc xử lí đồng thời phát hiện thêm các thực thể và quan hệ ta được mô hình ERD của xí nghiệp Động Vật:
* Chuyển đổi sang mô hình quan hệ
* Chuyển thực thể sang quan hệ:
* DONGVAT(MADONGVAT,MALOAIDONGVAT,SOLUONG,NOIXUATXU,NGAYNHAPVE)
* LOAIDONGVAT(MALOAI,TENKHOAHOC,TENTIENGANH,NOICUTRU,TUOITHO,MUCDONGUYCAP)
* TINHTRANG(MADONGVAT,TENDONGVAT,GIOITINH,DOTUOI,CONBO,CONME,DACHET)
* CHUONGTRAI(MACHUONG,MALOAICHUONG,MADONGVAT,TENCHUONG,SOLUONGLUUTRU,TINHTRANG)
* THUCAN(MATHUCAN,MALOAITHUCAN,TENTHUCAN,SOLUONG,HAMLUONGDINHDUONG,GIATHANH,DONVITINH)
* LOAITHUCAN(MALOAITHUCAN,TENLOAITHUCAN)
* BENH(MABENH,MATHUOCDIEUTRI,TENBENH,THOIGIANBENH,TRIEUCHUNG,TINHTRANG)
* THUOCDIEUTRI(MATHUOCDIEUTRI,TENTHUOC,SOLUONG,CACHDUNG)
* NHANVIEN(MANHANVIEN,MALOAINHANVIEN,TENNHANVIEN,GIOITINH,NGAYSINH,DIACHI,CMND,SODIENTHOAI,NGAYVAOLAM,TINHTRANG)
* LOAINHANVIEN(MALOAINHANVIEN,TENLOAINHANVIEN)
* Chuyển mối kết hợp bậc 1 sang quan hệ:
* KHAUPHANAN(MAKHAUPHANAN,MADONGVAT,MATHUCAN,KHOILUONGKHAUPHAN,THOIGIANAN)
* BANGTHUCDON(MATHUCDON,MANHANVIEN,MAKHAUPHANAN,NGAYLAP)
* HINHTHUCDIEUTRI(MADIEUTRI,MADONGVAT,MANHANVIEN,MABENH,TENDIEUTRI,NGAYDIEUTRI)
* HINHTHUCVESINH(MAVESINH,MANHANVIEN,MACHUONG,TENVESINH,NGAYLAM)

## Mô hình tổ chức dữ liệu mức vật lý

### *Sơ đồ SQL Diagram*



### *Danh sách các bảng dữ liệu*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên Bảng | Diễn giải |
| 1 | Users | Lưu trữ thông tin khách hàng, gồm các thuộc tính: userID, username, email, password. |
| 2 | orderdetails | Lưu trữ thông tin chi tiết đơn hàng gồm các thuộc tính: orderID, productID, price, quanlity, discount. |
| 3 | suppliers | Lưu trữ thông tin về nơi sản xuất bao gồm các thuộc tính: supplierID, supplierName, supplierTitle, address, city, region, phone, homepage. |
| 4 | orders | Lưu trữ thông tin đặt hàng bao gồm các thuộc tính: orderID, customerID, orderDate, requireDate, ShippeddDate, shipAddress, shipCity, shipRegion. |
| 5 | Blog | Lưu trữ thông tin bài đánh giá của khách hàng bao gồm các thuộc tính: blogID, Title, content, createDate, userID, rating. |
| 6 | products | Lưu trữ thông tin sản phẩm bao gồm các thuộc tính:productID, productName, suppliterID, categoryID, unit, price, stock, available. |
| 7 | Hibernate\_sequence | Lưu trữ thông tin …… bao gồm các thuộc tính: next\_val. |
| 8 | categories | Lưu trữ thông tin danh mục sản phẩm bao gồm các thuộc tính:  categoryID, categoryName, description. |
| 9 | optiongroup | Lưu trữ thông tin ………bao gồm các thuộc tính: optionGroupID, optionGroupName. |
| 10 | Customers | Lưu trữ thông tin …. bao gồm các thuộc tính: customerID, name, email, title, phone, fax, address1, address2, zip, country, region, password. |
| 11 | images | Lưu trữ thông tin …… bao gồm các thuộc tính:  imageID, productID, imageName, url. |
| 12 | options | Lưu trữ thông tin …… bao gồm các thuộc tính: optionID, optionName. |
| 13 | roles | Lưu trữ thông tin …… bao gồm các thuộc tính: RoleID, roleName, description . |
| 14 | Tags | Lưu trữ thông tin …… bao gồm các thuộc tính: tagID, tagName. |
| 15 | producttag | Lưu trữ thông tin …… bao gồm các thuộc tính: productID, tagID |
| 16 | Contact | Lưu trữ thông tin …… bao gồm các thuộc tính: contacID, name, title, email, content. |

* + 1. *Mô tả bảng dữ liệu:*
* Bảng USERS

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên thuộc tính | Diễn giải | Kiểu dữ liệu | Loại dữ liệu | Khóa chính | Khóa ngoại |
| userID |  | nvarchar(5) | Bắt buộc | x |  |
| TenDongVat | Tên động vật | nvarchar(30) | Bắt buộc |  |  |
| TenKhoaHoc | Tên khoa học của động vật | nvarchar(30) | Không bắt buộc |  |  |
| GioiTinh | Giới tính | nvarchar(5) | Bắt buộc |  |  |
| Mau | Màu chủ đạo động vật | nvarchar(10) | Không bắt buộc |  |  |
| CanNang | Cân nặng | int | Không bắt buộc |  |  |
| ChieuCao | Chiều cao | int | Không bắt buộc |  |  |
| ChieuDai | Chiều dài | int | Không bắt buộc |  |  |
| NgaySinh | Ngày sinh | datetime | Không bắt buộc |  |  |
| NgayNhapVe | Ngày nhập về | datetime | Bắt buộc |  |  |
| Loai | Loài | nvarchar(10) | Không bắt buộc |  |  |
| Chi | Chi | nvarchar(10) | Không bắt buộc |  |  |
| Ho | Họ | nvarchar(10) | Không bắt buộc |  |  |
| Bo | Bộ | nvarchar(10) | Không bắt buộc |  |  |
| Nganh | Ngành | nvarchar(10) | Không bắt buộc |  |  |
| SucKhoe | Sức khỏe | nvarchar(50) | Bắt buộc |  |  |
| HinhThucGiamSat | Hình thức giám sát | nvarchar(20) | Không bắt buộc |  |  |
| SoLuong | Số lượng | int | Không bắt buộc |  |  |
| NoiXuatXu | Nơi xuất xứ | nvarchar(30) | Không bắt buộc |  |  |
| NoiCuTru | Nơi cư trú | nvarchar(30) | Không bắt buộc |  |  |
| TuoiTho | Tuổi thọ | int | Không bắt buộc |  |  |

* Bảng CHUONG

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên thuộc tính | Diễn giải | Kiểu dữ liệu | Loại dữ liệu | Khóa chính | Khóa ngoại |
| MaChuong | Mã chuồng của động vật | nvarchar(5) | Bắt buộc | x |  |
| LoaiChuong | Loại chuồng của động vật | nvarchar(20) | Bắt buộc |  |  |
| MaDongVat | Mã động vật | nvarchar(5) | Bắt buộc |  | Tham chiếu tới bảng  DONGVAT |
| TenChuong | Tên của chuồng | nvarchar(20) | Bắt buộc |  |  |
| SoLuongLuuTru | Số lượng lưu trữ động vật | int | Không bắt buộc |  |  |
| TinhTrang | Tình trạng của chuồng (Còn trống/Đã đầy) | nvarchar(20) | Không bắt buộc |  |  |

* Bảng THUCAN

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên thuộc tính | Diễn giải | Kiểu dữ liệu | Loại dữ liệu | Khóa chính | Khóa ngoại |
| MaThucAn | Mã thức ăn | nvarchar(5) | Bắt buộc | x |  |
| LoaiThucAn | Loại thức ăn | nvarchar(10) | Bắt buộc |  |  |
| DonViTinh | Đơn vị tính | nvarchar(10) | Bắt buộc |  |  |
| TenThucAn | Tên thức ăn | nvarchar(30) | Bắt buộc |  |  |
| SoLuong | Số lượng | int | Bắt buộc |  |  |
| HamLuongDinhDuong | Hàm lượng dinh dượng | nvarchar(50) | Không bắt buộc |  |  |
| GiaThanh | Giá của thức ăn | money | Bắt buộc |  |  |
| ChiPhiVanChuyen | Chi phí vận chuyển | money | Bắt buộc |  |  |
| PhatSinh | Phát sinh khác | money | Không bắt buộc |  |  |

* Bảng KHAUPHANAN

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên thuộc tính | Diễn giải | Kiểu dữ liệu | Loại dữ liệu | Khóa chính | Khóa ngoại |
| MaKhauPhanAn | Mã khẩu phần ăn | nvarchar(5) | Bắt buộc | x |  |
| MaThucAn | Mã thức ăn | nvarchar(5) | Bắt buộc |  | Tham chiếu tới bảng THUCAN |
| MaDongVat | Mã động vật | nvarchar(5) | Bắt buộc |  | Tham chiếu tới bảng DONGVAT |
| KhoiLuongKhauPhan | Khối lượng khẩu phần | nvarchar(10) | Bắt buộc |  |  |
| ThoiGianAn | Thời gian ăn (buổi sang, buổi trưa, buổi chiều) | nvarchar(10) | Bắt buộc |  |  |

* Bảng BANGTHUCDON

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên thuộc tính | Diễn giải | Kiểu dữ liệu | Loại dữ liệu | Khóa chính | Khóa ngoại |
| MaThucDon | Mã thực đơn | nvarchar(5) | Bắt buộc | x |  |
| MaNhanVien | Mã nhân viên | nvarchar(5) | Bắt buộc |  | Tham chiếu tới bảng NHANVIEN |
| MaKhauPhanAn | Mã khẩu phần ăn | nvarchar(5) | Bắt buộc |  | Tham chiếu tới bảng KHAUPHANAN |
| NgayLap | Ngày lập hóa đơn | datetime | Bắt buộc |  |  |

* Bảng BANGDIEUTRI

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên thuộc tính | Diễn giải | Kiểu dữ liệu | Loại dữ liệu | Khóa chính | Khóa ngoại |
| MaDieuTri | Mã điều trị | nvarchar(5) | Bắt buộc | x |  |
| MaBenh | Mã bệnh | nvarchar(5) | Bắt buộc |  | Tham chiếu tới bảng BENH |
| MaNhanVien | Mã nhân viên | nvarchar(5) | Bắt buộc |  | Tham chiếu tới bảng NHANVIEN |
| MaDongVat | Mã tên động vật | nvarchar(5) | Bắt buộc |  | Tham chiếu tới bảng DONGVAT |
| NgayDieuTri | Ngày điều trị | datetime | Bắt buộc |  |  |

* Bảng BENH

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên thuộc tính | Diễn giải | Kiểu dữ liệu | Loại dữ liệu | Khóa chính | Khóa ngoại |
| MaBenh | Mã bệnh của động vật | nvarchar(5) | Bắt buộc | x |  |
| MaThuocDieuTri | Mã thuốc điều trị | nvarchar(5) | Bắt buộc |  | Tham chiếu tới bảng THUOCDIEUTRI |
| TenBenh | Tên Bệnh | nvarchar(20) | Bắt buộc |  |  |
| ThoiGianBenh | Thời gian bắt đầu bệnh | datetime | Bắt buộc |  |  |
| TrieuChung | Triệu chứng của bệnh | nvarchar(50) | Bắt buộc |  |  |
| TinhTrang | Tình trạng hiện tại của bệnh | nvarchar(20) | Bắt buộc |  |  |

* Bảng THUOCDIEUTRI

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên thuộc tính | Diễn giải | Kiểu dữ liệu | Loại dữ liệu | Khóa chính | Khóa ngoại |
| MaThuocDieuTri | Mã thuốc | nvarchar(5) | Bắt buộc | x |  |
| TenThuoc | Tên thuốc | nvarchar(20) | Bắt buộc |  |  |
| SoLo | Số lô | int |  |  |  |
| NgaySanXuat | Ngày sản xuất | datetime | Không bắt buộc |  |  |
| NgayHetHan | Ngày hết hạn | datetime | Không bắt buộc |  |  |
| SoLuong | Số lượng | int | Bắt buộc |  |  |
| DonViTinh | Đơn vị tính | nvarchar(10) | Bắt buộc |  |  |
| DonGia | Đơn giá | money | Bắt buộc |  |  |

* Bảng BANGPHANCONGVESINH

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên thuộc tính | Diễn giải | Kiểu dữ liệu | Loại dữ liệu | Khóa chính | Khóa ngoại |
| MaVeSinh | Mã vệ sinh | nvarchar(5) | Bắt buộc | x |  |
| MaNhanVien | Mã nhân viên | nvarchar(5) | Bắt buộc |  | Tham chiếu tới bảng  NHANVIEN |
| MaChuong | Mã chuồng | nvarchar(5) | Bắt buộc |  | Tham chiếu tới bảng CHUONG |
| TenVeSinh | Tên vệ sinh | nvarchar(20) | Bắt buộc |  |  |
| NgayLam | Ngày làm | datetime | Bắt buộc |  |  |

* Bảng NHANVIEN

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên thuộc tính | Diễn giải | Kiểu dữ liệu | Loại dữ liệu | Khóa chính | Khóa ngoại |
| MaNhanVien | Mã nhân viên | nvarchar(5) | Bắt buộc | x |  |
| LoaiNhanVien | Loại nhân viên | nvarchar(30) | Bắt buộc |  | Tham chiếu tới bảng LOAINHANVIEN |
| TenNhanVien | Tên nhân viên | nvarchar(50) | Bắt buộc |  |  |
| PhongBan | Phòng ban | nvarchar(30) | Bắt buộc |  |  |
| GioiTinh | Giới tính | nvarchar(5) | Bắt buộc |  |  |
| NgaySinh | Ngày sinh | datetime | Không bắt buộc |  |  |
| DiaChi | Địa chỉ | nvarchar(100) | Bắt buộc |  |  |
| CMND | Chứng minh nhân dân | int | Bắt buộc |  |  |
| SoDienThoai | Số điện thoại | int | Không bắt buộc |  |  |
| NgayVaoLam | Ngày vào làm | datetime | Bắt buộc |  |  |
| TinhTrang | Tình trạng | nvarchar(20) | Không bắt buộc |  |  |

* Bảng User

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên thuộc tính | Diễn giải | Kiểu dữ liệu | Loại dữ liệu | Khóa chính | Khóa ngoại |
| UserId | Mã người dùng | Int(11) | Bắt buộc | X |  |
| Username | Tên đăng nhập | varchar(255) | Bắt buộc |  |  |
| Email | Email | varchar(255) | Bắt buộc |  |  |
| Password | Mật khẩu | varchar(255) | Bắt buộc |  |  |
| Role\_Id |  | Int(11) | Bắt buộc |  |  |

# **Phân tích thiết kế thành phần xử lý**

## Sơ đồ trao đổi thông tin của Website Thời Trang

## Mô hình hóa xử lý cho hệ thống mới

### *Mô hình hóa xử lý của Website Thời Trang*

* Nghiệp vụ
  + Sơ đồ ngữ cảnh hệ thống hiện tại:
  + Sơ đồ DFD của hệ thống hiện tại:
  + Sơ đồ quan niệm xử lí của hệ thống mới:
* Nghiệp vụ
  + Sơ đồ ngữ cảnh của hệ thống hiện tại:
  + Sơ đồ DFD của hệ thống hiện tại:
  + Sơ đồ xử lí quan niệm của hệ thống mới:
* Nghiệp vụ
  + Sơ đồ ngữ cảnh của hệ thống hiện tại:
  + Sơ đồ DFD của hệ thống hiện tại:

* + Sơ đồ xử lí quan niệm của hệ thống mới:

### *Mô hình hóa xử lý của*

* Nghiệp vụ
* Nghiệp vụ
  + Sơ đồ tổng quan của hệ thống hiện tại:

* + Sơ đồ DFD của hệ thống hiện tại:
  + Sơ đồ xử lý mức quan niệm của hệ thống mới:

### *Mô hình hóa xử lý của*

1. Nghiệp vụ:
   * Sơ đồ tổng quan hệ thống hiện tại:
   * Sơ đồ DFD của hệ thống hiện tại:
   * Sơ đồ xử lý quan niệm của hệ thống mới:



* Nghiệp vụ Theo dõi tình trạng động vật:
  + Sơ đồ tổng quan hệ thống hiện tại:



* + Sơ đồ xử lý quan niệm của hệ thống mới:



* Nghiệp vụ Theo dõi cơ sở vật chất.
  + Sơ đồ tổng quan hệ thống hiện tại



* + Sơ đồ DFD của hệ thống hiện tại
  + Sơ đồ xử lý quan niệm của hệ thống mới



### *Mô hình hóa xử lý của*

* Sơ đồ DFD của hệ thống hiện tại:
* Sơ đồ quan niệm xử lí của hệ thống mới:

# **Phân tích thiết kế Hệ thống**

## Phân chia hệ thống thành các hệ thống con

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hệ thống: Quản lý Bán Hàng** | | | |
| STT | Hệ thống con | Xử lý | Kho dữ liệu |
| 1 | Quản lý Nghiệp vụ |  |  |
| 2 | Quản lý Nghiệp vụ |  |  |
| 3 | Quản lý Nghiệp vụ |  |  |
| 4 | Quản lý Nghiệp vụ |  |  |

## Xây dựng mô hình thiết kế xử lý hệ thống

*(Theo mẫu trong file Mô\_hình\_thiết\_kế\_xử\_lý\_hệ\_thống.xlsx, Sheet 1)*

## Xây dựng cấu trúc phần mềm hệ thống

# **Thiết kế giao diện**

## Màn hình chính

**Chức năng:** Màn hình chính hiển thị

Mô tả chi tiết các đối tượng trên màn hình

* + 1. Danh sách các biến cố và xữ lý trên màn hình

## Màn hình

**Chức năng:** Cho phép người dùng nhập

Mô tả chi tiết các đối tượng trên màn hình

* + 1. Danh sách các biến cố và xữ lý trên màn hình

## Màn hình Tìm động vật

**Chức năng:** Cho phép người dùng

Mô tả chi tiết các đối tượng trên màn hình

* + 1. Danh sách các biến cố và xữ lý trên màn hình
  1. Màn hình

**Chức năng:** Cho phép bạn

* + 1. Mô tả chi tiết các đối tượng trên màn hình
    2. Danh sách các biến cố và xữ lý trên màn hình

## Màn hình Điều trị

**Chức năng:** Cho phép người dùng

Mô tả chi tiết các đối tượng trên màn hình

* + 1. Danh sách các biến cố và xữ lý trên màn hình

## Màn hình

Chức năng: Cho phép người dùng

Mô tả chi tiết các đối tượng trên màn hình

* + 1. Danh sách các biến cố và xữ lý trên màn hình
  1. Màn hình

**Chức năng:** Mô tả chi tiết các đối tượng trên màn hình

* + 1. Danh sách các biến cố và xữ lý trên màn hình

## Màn hình

**Chức năng:** Cho phép người dùng

Mô tả chi tiết các đối tượng trên màn hình

Danh sách các biến cố và xữ lý trên màn hình

## Màn hình Đăng nhập

**Chức năng:** Màn hình dùng cho việc tạo tài khoản để đăng nhập vào hệ thống.Chia ra hai phần đăng nhập dành cho Người quản trị và Người dùng.

* + 1. Mô tả chi tiết các đối tượng trên màn hình *(Theo mẫu trong file Màn\_hình\_Đăng\_Nhập.xlsx, sheet Mô tả)*
    2. Danh sách các biến cố và xữ lý trên màn hình *(Theo mẫu trong file Màn\_hình\_Đăng\_Nhập.xlsx, sheet Biến cố)*

# **Nhận xét và kết luận**

Đề tài này còn rất nhiều bất cập cả trong báo cáo lẫn chương trình. Những bất cập đó bắt nguồn từ việc khảo sát thực tế không được chi tiết và thiếu kinh nghiệm cũng như tính chuyên nghiệp nên những lỗi phát sinh trong quá trình thực hiện đề tài này là không thể tránh khỏi.

Đây là lần đầu tiên nhóm em khảo sát thực tế để thực hiện một hệ thống bán hang và đề tài Website Thời Trang cũng khá là xa lạ nên để tiếp cận với hệ thống như thế này nhóm em đã tham khảo rất nhiều thông tin liên quan.

**Hướng phát triển**

Website hiện tại vẫn chưa hoàn thiện đầy đủ chức năng, website mới hoàn thiện xong những chức năng cơ bản: cập nhật sản phẩm, mua bán sản phẩm, đặt hàng, đăng tin, đăng nhập.

Chức năng định hướng phát triển: bình luận bài viết, viết những bài viết về thời trang của các chuyên gia, tham khảo ý kiến của stylist về trang phục, thêm mục mặc gì hôm nay.